

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

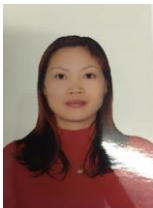
DANH SÁCH SỬA SAI THÔNG TIN THÍ SINH THAM DỰ
KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA ĐỢT 06 NĂM 2017
NGHỀ: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP BẠC 3

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên (In Hoa)	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
1	DCN - 01	NGUYỄN THẾ ANH	18-08-1980		x		060645551	11-06-2013	CA Yên Bái	
2	DCN - 02	TRỊNH VŨ BẢO	26-12-1982		x		001082015001	25-04-2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
3	DCN - 03	HOÀNG ÁI CÔNG	30-09-1990		x		060894973	12-12-2016	CA Yên Bái	
4	DCN - 04	LÊ VIỆT CƯỜNG	27-11-1978		x		001078016232	26-10-2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên (In Hoa)	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
5	DCN - 05	MAI HOÀI ĐỨC	28-11-1969		x		060561223	30-08-2017	CA Yên Bái	
6	DCN - 06	PHẠM NGỌC ĐỨC	08-12-1979		x		060652131	14-09-2016	CA Yên Bái	
7	DCN - 07	NGUYỄN TRỊNH HOÀNG HÀ	16-03-1981		x		060657707	09-06-2014	CA Yên Bái	
8	DCN - 08	CAO THANH HẢI	02-12-1982			x	026182000860	20-07-2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
9	DCN - 09	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	01-01-1985		x		060727799	15-07-2009	CA Yên Bái	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên (In Hoa)	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
10	DCN - 10	MAI QUANG HÒA	29-09-1974		x		121191939	07-05-2009	CA Bắc Giang	
11	DCN - 11	TRẦN QUỐC HOÀN	30-01-1979		x		013127919	24-10-2008	CA Hà Nội	
12	DCN - 12	HÀ ĐĂNG HỘI	26-08-1972		x		024072000109	29-03-2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
13	DCN - 13	NGUYỄN THẾ HÙNG	04-05-1982		x		013109734	21-08-2008	CA Hà Nội	
14	DCN - 14	TRẦN THỊ KHANH	05-04-1978			x	013588826	09-10-2012	CA Hà Nội	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên (In Hoa)	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
15	DCN - 15	NGUYỄN TRUNG KIÊN	21-06-1981			x	060677379	12-09-2015	CA Yên Bái	
16	DCN - 16	VŨ THỊ THANH PHƯƠNG	05-10-1980			x	012775924	14-04-2005	CA Hà Nội	
17	DCN - 17	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	16-10-1988			x	091029329	19-01-2003	CA Thái Nguyên	
18	DCN - 18	NGUYỄN HỒNG QUANG	08-02-1979		x		001079011101	04-05-2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
19	DCN - 19	NGÔ VĂN QUANG	02-09-1980		x		121388410	25-08-2017	CA Bắc Giang	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên (In Hoa)	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
20	DCN - 20	NGUYỄN QUANG	10-09-1963		x		011195677	08-05-2011	CA Hà Nội	
21	DCN - 21	HOÀNG KIM THOA	18-02-1980			x	060579249	02-07-2013	CA Yên Bái	
22	DCN - 22	TRẦN THỊ THU	23-09-1983			x	061095426	06-07-2015	CA Yên Bái	
23	DCN - 23	LƯƠNG THỊ THUỜNG	16-06-1989			x	121874143	30-11-2012	CA Bắc Giang	
24	DCN - 24	NGUYỄN THỊ THÚY	05-12-1976			x	060894906	07-01-2008	CA Yên Bái	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên (In Hoa)	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
25	DCN - 25	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	06-10-1985			x	060694646	25-08-2004	CA Yên Bái	
26	DCN - 26	NGUYỄN SỸ TIẾN	25-12-1979		x		015079000100	13-01-2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
27	DCN - 27	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	10-10-1990		x		121860760	22-12-2005	CA Bắc Giang	
28	DCN - 28	PHAN XUÂN TOÀN	15-06-1977		x		012107986	22-05-2010	CA Hà Nội	
29	DCN - 29	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	10-10-1987			x	135353592	17-03-2005	CA Vĩnh Phúc	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên (In Hoa)	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
30	DCN - 30	ĐẶNG THỊ QUỲNH TRANG	13-07-1982			x	026182003841		Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
31	DCN - 31	TRẦN VĂN TRUNG	20-01-1984		x		205127549	29-08-2015	CA Quảng Nam	
32	DCN - 32	ĐỖ NGỌC TRUNG	16-10-1984		x		060712636	27-07-2017	CA Yên Bái	
33	DCN - 33	TRẦN NGỌC TRUÔNG	25-07-1993		x		091696005	22-07-2015	CA Thái nguyên	
34	DCN - 34	PHAN VĂN TUÂN	13-09-1985		x		205242736	14-09-2017	CA Quảng Nam	

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên (In Hoa)	Ngày sinh	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu			KÝ TÊN
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
35	DCN - 35	PHẠM THỊ BẠCH TUYẾT	30-01-1971			x	060378993	07-11-2005	CA Yên Bái	
36	DCN - 36	VŨ KHOA VĂN	20-02-1968		x		060427544	06-04-2015	CA Yên Bái	
37	DCN - 37	NGUYỄN TUẤN VIỆT	13-02-1981		x		001081011207	24-12-2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
38	DCN - 38	LÊ THỊ ANH XUÂN	28-11-1978			x	001178002565	24-09-2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	